TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NG
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2023/DS-ST
Ngày 08/6/2023
"V*/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG, TỈNH K

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy; bà Phan Thị Anh Kim.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ng, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020; về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐST-DS ngày 16/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam; Địa chỉ: 108 Tr, quận H, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Anh T – Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam – chi nhánh K; Địa chỉ: Số 655 đường Ng, phường Q, thành phố K, tỉnh K; Có mặt tại phiên tòa

- Đồng bị đơn:+ Ông Trần Nguyễn Dương H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Ng, tỉnh K; (Vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị Tường V, sinh năm 1983; Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu: 501 Trần Nhân Tông, phường Q, thành phố K, tỉnh K; Địa chỉ nơi ở: Thôn Đ, xã S, huyện Ng, tỉnh K; (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông A H, ông A Th; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện Ng, tỉnh K; (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C Việt Nam trình bày:

Vào ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa Ngân hàng TMCP C Việt Nam ký với ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V Hợp đồng tín dụng số 267NH/2019-HĐCV/NHCT510, số tiền giải ngân cho vay: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*). Mục đích vay: Chăm sóc cà phê và cao su; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 07/5/2019 đến hết ngày 07/5/2020. Mức lãi suất cho vay ưu đãi kể từ ngày vay đến hết ngày 07/5/2020 là 10%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngày thanh toán lãi vay cuối cùng là ngày tất toán khoản vay. Trường hợp ngày 25 hàng tháng không phải là ngày làm việc thì bên vay được quyền thanh toán vào ngày làm việc liền kề sau đó.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất số AĐ 582989 tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 24 do Uỷ ban nhân dân huyện Ng cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Thao Ph, đến ngày 2/4/2018 tặng cho bà Y Kr, ngày 24/4/2018 chuyển nhượng cho ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn Đ, xã S, huyện Ng, tỉnh K. Hợp đồng thế chấp số 302 NH/2018/HĐBĐ/NHCT510 ngày 27/4/2018.

Do tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có biến động ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần diện tích đất bị tranh chấp, nên ngày 25/8/2021 nguyên đơn có văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu thi hành diện tích là 20.375m^2 đất đang tranh chấp, chỉ yêu cầu kê biên bán phần diện tích là 17.503m^2 trong trường hợp ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Hiện nay ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V đã đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ mới để nguyên đơn được biết. Tính đến hết ngày 08/6/2023 bị đơn đã trả được tổng số tiền là 132.090.000đồng. Trong đó nợ gốc 54.000.000đồng, nợ lãi 78.090.000đồng. Kể từ ngày 28/6/2021 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc, bị đơn đã không trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng, còn nợ gốc 746.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 2.129.178 đồng và nợ lãi quá hạn 353.910.410đồng); Tổng cộng 1.102.039.588đồng (*Một tỉ một trăm linh hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn năm trăm tám mươi tám đồng*)

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 1.102.039.588đ (*Một tỉ một trăm linh hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn năm trăm tám mươi tám đồng*) và lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ. Nếu đến ngày án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V không trả thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm xử lý không đủ buộc bị đơn tiếp tục trả số tiền còn thiếu. Buộc ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V phải chịu án phí, chi phí cho việc đăng thông tin, chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

***Bị đơn là ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V**:* Theo tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương được biết ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V đã đi khỏi địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật nhưng ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông A Th: Theo tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương được biết ông A Th đã đi khỏi địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật nhưng ông A Th vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông A H trình bày: Đối với diện tích đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 26 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01011; Địa chỉ đất tại thôn Đg, xã S, huyện Ng, tỉnh K. Nguồn gốc đất do hai vợ chồng khai hoang khoảng năm 2001. Hiện nay trên đất đang trồng 1200 cây cà phê năm thứ 7 và 400 cây cao su năm thứ 7. Đất này chúng tôi khai hoang và làm từ đó đến nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay qua xem xét thuộc đất của ông H bà V đã thế chấp cho ngân hàng thì tôi không đồng ý vì chúng tôi chỉ có một mảnh rẫy này là nguồn thu nhập duy nhất của gia đình tôi từ trước đến nay. Tôi không đồng ý trả lại thửa đất này cho ai.

***Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát*:** Tòa án nhân dân huyện Ng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử

vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng. Tuy nhiên do biên bản xem xét tại chỗ chưa ghi cụ thể tứ cận của phần đất 17.503m^2 nên đề nghị HĐXX tạm dừng phiên tòa để xem xét, thẩm định tại chỗ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Đây là quan hệ phát sinh trong hoạt động dân sự, Vì vậy Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ.

Về sự vắng mặt của đồng bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, đăng thông tin hợp lệ, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Như vậy bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 267NH/2019-HĐCV/NHCT510, số tiền giải ngân cho vay: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*). Tài sản bảo đảm thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 302/NH/2018/HĐBĐ/NHCT510, ngày 27/4/2018.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản: Về hình thức của các hợp đồng: Các chủ thể tham gia ký kết đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015, được lập bằng văn bản, hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực tại văn phòng công chứng Việt Hoàng và đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Ng. Mục đích và nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại Điều 117 và Điều 501 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy Hợp đồng cho vay số 267NH/2019-HĐCV/NHCT510, ngày 07/5/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 302/NH/2018/HĐBĐ/NHCT510, ngày 27/4/2018 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện theo nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay đúng, đủ số tiền 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*). Sau khi nhận tiền giải ngân bị đơn đã trả được tổng số tiền là 132.090.000đồng. Trong đó nợ gốc 54.000.000đồng, nợ lãi 78.090.000đồng. Kể từ ngày 28/6/2021 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc, bị đơn đã không trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng.

Từ những vi phạm trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được chấp nhận; Buộc bị đơn phải trả đủ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 267NH/2019-HĐCV/NHCT510, ngày 07/5/2019, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 08/6/2023: (nợ gốc 746.000.000đồng và nợ lãi trong hạn 2.129.178đồng và nợ lãi quá hạn 353.910.410 đồng); Tổng cộng 1.102.039.588đồng (*Một tỉ, một trăm linh hai triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm tám mươi tám đồng*) và lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ theo khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 463, các khoản 1, 3, 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Theo Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, thì: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Để bảo đảm cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng và toàn bộ số tiền lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác, tài sản bảo đảm

được ghi nhận tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 302/NH/2018/HĐBĐ/NHCT510 ngày 27/4/2018 là quyền sử dụng đất số AĐ 582989 tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 24 do Uỷ ban nhân dân huyện Ng cấp ngày 28/9/2006 cho hộ ông Thao Ph đến ngày 2/4/2018 tặng cho bà Y Kr, ngày 24/4/2018 chuyển nhượng cho ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn Đ, xã S, huyện Ng, tỉnh K. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thấy thửa đất số 5, tờ bản đồ số 24 thì diện tích đất rẫy trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 43.317 m^2 có biến động ít hơn so với diện tích thực tế là 5439 m^2, Diện tích đất thực tế còn lại là 37.878m^2. Ngày 25/8/2021 nguyên đơn có văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc thi hành tài sản thế chấp là 20.375m^2 (là diện tích đất mà ông A Th đang sử dụng là 11.047 m^2 và ông A H đang sử dụng 9328 $m^{2)}$, vì đất đang tranh chấp, chỉ yêu cầu kê biên bán phần diện tích là 17.503m^2 là diện tích thực tế còn lại không có tranh chấp (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/5/2021 do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngọc Hồi đo vẽ) trong trường hợp ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra thời hạn để xử lý tài sản bảo đảm khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không hoàn tất việc thanh toán tiền và nếu tài sản bảo đảm xử lý không đủ thì bị đơn phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn đã được ghi nhận tại hợp đồng thế chấp. Nội dung thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về quyền xử lý tài sản bảo đảm khi khách hàng không trả được nợ đến hạn; các Điều 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V không trả đủ tiền gốc và lãi được xác định trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V tiếp tục trả số tiền còn thiếu. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V.

[5] Về án phí và các khoản chi phí khác:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 45.061.000đồng, (*Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi mốt ngàn đồng*). Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã ứng tiền để chi phí cho việc thông báo tìm người vắng mặt tại nơi cư trú là 6.100.000đ và

2.000.000đ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ; Tổng cộng 8.100.000đ (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*). Buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 267NH/2019-HĐCV/NHCT510, ngày 07/5/2019; theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu chậm trả tiền thì bị đơn phải chịu lãi 10%/năm/ số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, Điều 224, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, 119, 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320; Điều 463, khoản 1, 3, 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án;

Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1.Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thi hành một phần tài sản đảm bảo là 20.375m^2 đất. Chỉ yêu cầu thi hành tài sản đảm bảo đối với diện tích 17.503m^2 nằm trong tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AĐ 582989 tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 24 do Uỷ ban nhân dân huyện Ng cấp ngày 28/9/2006 mang tên ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V. Địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã S, huyện Ng, tỉnh K

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Buộc ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V phải trả Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền dư nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 267NH/2019-HĐCV/NHCT510, ngày 07/5/2019, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (08/6/2023) là: nợ gốc 746.000.000đồng và nợ lãi trong hạn 2.129.178đồng và nợ lãi quá hạn 353.910.410đồng; Tổng cộng 1.102.039.588đ (*Một tỉ một trăm linh hai*

triệu không trăm ba mươi chín ngàn năm trăm tám mươi tám đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; (*mức lãi suất trong hạn của Hợp đồng tín dụng số* 267NH/2019-*HĐCV/NHCT510, ngày 07/5/2019 đang áp dụng 10%/năm)* cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Và sẽ được điều chỉnh tiếp theo (nếu có) cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Buộc ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền chi phí cho việc thông báo tìm người vắng mặt tại nơi cư trú là 6.100.000đ và 2.000.000đ chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ; Tổng cộng 8.100.000đ (*Tám triệu một trăm nghìn đồng*). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V chậm trả số tiền này thì phải trả lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

2.2. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V không hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam số tiền dư nợ gốc, lãi và các chi phí xác định trên thì Ngân hàng TMCP C được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 17.503m^2 đất và tài sản trên đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 582989 tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 24 do Uỷ ban nhân dân huyện Ng cấp ngày 28/9/2006 mang tên ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V. Địa chỉ thửa đất tại: Thôn Đ, xã S, huyện Ng, tỉnh K.(Đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Trần Xuân Nguyên và ông Ngô Tùng Khôi đang sử dụng; Phía tây giáp đất ông Xa Văn Lương, ôngThao Kôi và ông A Hoa đang sử dụng; Phía nam giáp đất ông A Hoa đang sử dụng; Phía Bắc giáp đất ông A Thiêm đang sử dụng) theo hợp đồng thế chấp 302 NH/2018/HĐBĐ/NHCT510 ngày 27/4/2018 để thu hồi nợ. Phần Diện tích còn lại là 20.375m^2 nguyên đơn đã rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Nếu tài sản bảo đảm được xử lý mà không đủ thì ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP C Việt Nam. Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V.

3. Về án phí: Ông Trần Nguyễn Dương H và bà Phạm Thị Tường V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 45.061.000đ, (*Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi mốt ngàn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP C Việt Nam được nhận lại 16.698.000đ (*mười sáu triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số

AA/2016/0002529 ngày 22-10-2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2023). Ông Trần Nguyễn Dương H và Phạm Thị Tường V có quyền kháng cáo bản án, ông A Th và ông A H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở ủy ban nhân dân xã S, huyện Ng, tỉnh K.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh